

Bản án số: 02/2022/DS-ST

Ngày: 13/01/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM**

***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Nguyên

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Đào Tuyết Thanh

Ông Nguyễn Ngọc Hấn

**- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hảo

**- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:***

Bà Nguyễn Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 và 13 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 21/2021/DSST ngày 03 tháng 03 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án xét xử số 20/2021/QĐXX-ST ngày 13/07/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2021/QĐHPT-ST ngày 09/12/2021 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Ngân hàng TMPC Đ**

Trụ sở : Số 22 phố N, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L - Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân T - giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản (theo GUQ số 10771/UQ-PVB ngày 10/6/2020). Ông Thuận ủy quyền lại cho:

- Ông Lê Xuân T – Phó Giám đốc Phòng quản lý khách hàng cá nhân Miền Bắc - Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản Ngân hàng Đ, ông Trần Văn T và ông Nguyễn Ngọc H - Phòng quản lý khách hàng cá nhân Miền Bắc - Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản Ngân hàng Đ.

(Theo giấy ủy quyền số 20627/UQ-PVB ngày 10/11/2021).

**Bị đơn:**

1, Bà Lê Thu P, sinh năm 1974

2, Ông Khiếu Văn T, sinh năm 1974

Cùng có HKTT: Số 46 ngõ H, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Số 54 ngõ 192 phố L, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Ông T ủy quyền cho bà Lê Thu P (Giấy ủy quyền lập ngày 18/10/2021 tại Văn phòng Công chứng Tuệ Tĩnh – Số 260 Xã Đàn, quận Đống Đa, Hà Nội).

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1, Ông Nguyễn Văn R, sinh năm: 1950

2, Bà Lê Thị L, sinh năm: 1952

Cư trú tại: Số 73 ngõ 51 phố T, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Ông Toàn, bà P, ông R có mặt tại phiên tòa. Bà L vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Ngân hàng TMCP Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện bà Lê Thu P và ông Khiếu Văn T về tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Trong đơn khởi kiện, tại Bản tự khai và các buổi hòa giải do Tòa án tiến hành, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày:

Ngày 23/11/2017 bà Lê Thu P và ông Khiếu Văn T có ký kết Hợp đồng cho vay số 634/2017/HĐTD/PVB-TLM với Ngân hàng TMPC Đ để vay vốn của Ngân hàng TMPC Đ – Chi nhánh Hà Nội, nội dung cơ bản như sau:

Số tiền vay là 7.420.000.000 đồng.

Mục đích vay: Số tiền vay mục đích bù đắp mua nhà: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng); số tiền vay mục đích tiêu dùng: 2.420.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Thời hạn vay: 240 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đối với khoản vay bù đắp mua nhà; 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đối với khoản vay tiêu dùng.

Lãi suất: Từ ngày 24/11/2017 đến hết ngày 23/11/2018 lãi suất là 8,8%/năm. Từ ngày 24/11/2018 lãi suất cho vay được điều chỉnh theo công thức: Lãi suất cho vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền tương ứng với loại tiền vay, kỳ hạn 13 tháng + biên độ 4%/năm, theo biểu lãi suất huy động của Ngân hàng công bố từng thời kỳ. Kỳ điều chỉnh lãi suất là 03 tháng/lần.

Về phương thức trả nợ: Cụ thể theo từng khế ước nhận nợ.

Thực hiện nội dung của hợp đồng cho vay số 634/2017/HĐTD/PVB-TLM, Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nội đã tiến hành giải ngân cho bà P ông T hai lần

với tổng số tiền là: 7.420.0000.000 đồng được thể hiện cụ thể tại 02 giấy nhận nợ như sau:

- Khế ước nhận nợ số 01 ngày 23/11/2017, số tiền là 5.000.000.000 đồng, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 24/12/2017: Nợ gốc được trả trong 240 kỳ, mỗi kỳ có thời hạn 01 tháng, số tiền cụ thể từ kỳ 1 đến kỳ 239 mỗi kỳ trả 20.833.000 đồng, kỳ cuối trả 20.913.000 đồng, ngày trả nợ đầu tiên là 24/12/2017. Kỳ hạn trả nợ lãi định kỳ vào ngày 24 hàng tháng.

- Khế ước nhận nợ số 02 ngày 24/11/2017, số tiền là 2.420.000.000 đồng, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 24/12/2017: Nợ gốc được trả trong 84 kỳ, mỗi kỳ có thời hạn 01 tháng, số tiền cụ thể từ kỳ 1 đến kỳ 83 mỗi kỳ trả 28.810.000 đồng, kỳ cuối trả 28.770.000 đồng, ngày trả nợ đầu tiên là 24/12/2017. Kỳ hạn trả nợ lãi định kỳ vào ngày 24 hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông T và bà P đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 10 (2), tờ bản đồ số 32, diện tích 83m<sup>2</sup> có địa chỉ tại phường Định Công (nay là số 73 ngõ 51 phố T, phường Định Công), quận Hoàng Mai, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ 675032, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số GCN: 02200.1378/QHM, MS: 10125031037 do UBND quận Hoàng Mai, TP Hà Nội cấp ngày 18/07/2006 cho ông Nguyễn Văn R, đã được chuyển nhượng cho bà Lê Thu P và ông Khiếu Văn T ngày 26/05/2017. Tài sản bảo đảm trên đã được ký Hợp đồng thế chấp, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên ông T bà P đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 105.250.523 đồng (trong đó nợ gốc là 49.643.000 đồng, lãi là 55.607.523 đồng). Sau đó bị đơn không thanh toán cho Ngân hàng như đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng nên khoản vay trên của ông T và bà P đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 25/12/2017. Trước khi khởi kiện ra Tòa án, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp với bà P ông T và gửi Thông báo cho bà P, ông T đôn đốc việc trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông T và bà P không trả thêm cho Ngân hàng bất cứ khoản tiền nào. Tạm tính đến hết ngày 25/6/2021 ông T bà P còn nợ ngân hàng tổng số tiền là: 10.950.597.874 đồng

Trong đó gốc là: 7.370.357.000 đồng

Lãi trong hạn là 2.527.946.823 đồng

Lãi quá hạn là: 614.222.137 đồng

Lãi suất chậm trả lãi là: 438.071.914 đồng

Nay ngân hàng Đ khởi kiện ông T bà P ra trước Tòa án quận Hoàn Kiếm

yêu cầu giải quyết các vấn đề sau:

1, Đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng TMPC Đ toàn bộ số tiền gốc còn nợ cùng số tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng tạm tính đến hết ngày 25/6/2021 số tiền cả gốc và lãi là: 10.950.597.874 đồng.

2, Đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi nợ quá hạn cho Ngân hàng theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc thực tế kể từ ngày 26/6/2021 cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

3, Trường hợp bị đơn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMPC Đ có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4, Trường hợp số tiền thu được từ phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ, thì Ngân hàng Đ yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản khác và khấu trừ nguồn thu nhập hợp pháp của bà Lê Thu P và ông Khiếu Văn T để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ tại ngân hàng Đ.

**Bà Lê Thu P (bị đơn) và là người đại diện theo ủy quyền của ông Khiếu Văn T trình bày tại Tòa án như sau:** Ngày 23/11/2017 giữa vợ chồng bà và Ngân hàng TMPC Đ có ký kết hợp đồng tín dụng số 634/2017/HĐTD/PVB-TLM với số tiền vay là: 7.420.000.000 đồng. Mục đích vay: Bù đắp mua nhà ở là 5.000.000.000 đồng; vay tiêu dùng là 2.420.000.000 đồng với thời hạn vay là 240 tháng kể từ ngày nhận nợ, lãi suất vay được quy định tại khế ước nhận nợ. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 23/11/2017 tại VP công chứng Tạ Hiện - số 14 Láng Hạ, phường Thành Công, Ba Đình, Hà Nội giữa vợ chồng bà và Ngân hàng TMPC Đ đã lập Hợp đồng thế chấp số 634/2017/HĐBĐ/PVB-TLM, tài sản thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của vợ chồng bà tại thửa đất số 10 (2), tờ bản đồ số 32, diện tích 83m<sup>2</sup> có địa chỉ tại phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 675032 do UBND quận Hoàng Mai, TP Hà Nội cấp ngày 18/7/2006 cho ông Nguyễn Văn R đã được sang tên chuyển nhượng cho vợ chồng bà ngày 26/5/2017 (việc chuyển nhượng trên giữa vợ chồng bà và ông R là hợp pháp). Ngày 24/11/2017 Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng bà số tiền là 7.420.000.000 đồng được thể hiện tại 02 Khế ước nhận nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng bà đã trả cho Ngân hàng được tổng số tiền là 105.250.523 đồng (gồm cả gốc và lãi). Do công việc kinh doanh của bà gặp khó khăn nên bà và ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng và ngân hàng đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn kể từ ngày 25/12/2017. Về số tiền nợ gốc và nợ lãi như đại diện Ngân hàng vừa trình bày bà xác nhận là đúng và không có ý kiến gì.

Do điều kiện kinh tế khó khăn vì ảnh hưởng của dịch Covid - 19 bà đề nghị Ngân hàng xem xét giảm một phần lãi và tạo điều kiện về thời gian đến hết ngày 31/12/2021 vợ chồng bà sẽ thu xếp tất toán khoản nợ cho ngân hàng. Nếu hết thời hạn trên mà vợ chồng bà không tất toán được khoản nợ trên thì bà đồng ý để ngân hàng phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Ông Khiếu Văn T không đến Tòa án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần Giấy báo, Thông báo về phiên hòa giải. Ngày 18/10/2021 ông T đã ủy quyền cho bà Lê Thu P tham gia tố tụng tại Tòa án.

**Ông Nguyễn Văn R là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:** Ngày 18/7/2006 ông được UBND quận Hoàng Mai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 10 (2), tờ bản đồ số 32, diện tích 83m<sup>2</sup> có địa chỉ tại Phường Định Công (nay là số 73 ngõ 51 phố T, phường Định Công), quận Hoàng Mai, TP Hà Nội. Năm 2017 ông có nhu cầu bán ngôi nhà này để chia cho các con nên qua giới thiệu ông T và bà P đã đến hỏi mua nhà của vợ chồng ông. Hai bên thống nhất giá trị ngôi nhà và quyền sử dụng đất là 11.000.000.000 đồng. Để tiến tới ký kết hợp đồng chuyển nhượng trên bà P ông T đã đặt cọc trước cho ông số tiền là 700.000.000 đồng, sau khi đặt cọc xong thì hai bên có lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng. Sau khi làm thủ tục sang tên chuyển nhượng nhà cho P T thì ông bà P T đã thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng Đ và trả cho ông số tiền 7.000.000.000 đồng, sau đó bà P hỏi vay lại số tiền đã trả cho ông và xin nợ lại số tiền mua nhà còn thiếu. Sau khi hai bên tính toán thì thống nhất là bà P ông T vay lại của vợ chồng ông số tiền 7.500.000.000 đồng, như vậy thực tế vợ chồng ông chỉ nhận được số tiền bán nhà là 3.500.000.000 đồng (ba tỉ năm trăm triệu đồng), còn cho nợ lại là 7.500.000.000 đồng. Đến nay số tiền nợ này vợ chồng bà P vẫn chưa trả ông cả gốc và lãi.

Ngày 22/4/2021 ông R và vợ là bà Lê Thị L làm Đơn khởi kiện yêu cầu độc lập và Tòa án đã thụ lý yêu cầu (vì ông R và bà L đều là người cao tuổi nên không phải đóng tạm ứng án phí) về việc đòi nợ đối với bà Lê Thu P và ông

Khiếu Văn T và trình bày như sau: Vợ chồng ông và vợ chồng bà P lập 03 “Hợp đồng cho vay tiền” tại Văn phòng công chứng Gia Khánh thành phố Hà Nội vào ngày 02/6/2017, 05/6/2017 và 12/6/2017, thời hạn cho vay là 03 tháng; 05 tháng và 01 tháng tương ứng với từng hợp đồng: Bên cho vay là Nguyễn Văn R và vợ là Lê Thị L; bên vay tiền là bà Lê Thu P và Khiếu Văn T; Tại ba bản Hợp đồng cho vay tiền trên hai bên đều thỏa thuận lãi suất là 0%/tháng do thời hạn cho vay ngắn nên vợ chồng ông không tính lãi suất nhưng thực tế hai bên thỏa thuận miệng với nhau là lãi suất là 1%/tháng và trả lãi hàng tháng. Nhưng đến thời hạn thanh toán bà P mới trả cho ông được số tiền lãi là 269.000.000 đồng, còn toàn bộ số tiền gốc bà P chưa thanh toán. Tại Hợp đồng không tính lãi nhưng do bà P vi phạm thời hạn trả nợ nên ông yêu cầu bà P phải trả ông lãi suất là 1%/tháng. Thời điểm ông bắt đầu tính lãi là ngày 12/6/2017.

Từ 12/6/2017 đến 12/6/2021 cụ thể là 4 năm = 48 tháng.

$7.500.000.000 \text{ đồng} \times 48 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 3.600.000.000 \text{ đồng}$  (ba tỉ sáu trăm triệu).

Bà P mới trả cho ông được số tiền lãi là 269.000.000 đồng, còn toàn bộ số tiền gốc bà P chưa thanh toán.

Như vậy bà P còn nợ ông tổng số tiền là:  $7.500.000.000 \text{ đồng}$  (tiền gốc) +  $3.600.000.000 \text{ đồng}$  (tiền lãi) –  $269.000.000 \text{ đồng}$  (tiền lãi đã trả) =  $10.831.000.000 \text{ đồng}$  (mười tỉ tám trăm ba mươi một triệu đồng).

Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn R và bà Lê Thị L, đại diện Ngân hàng có ý kiến: Việc vay nợ của vợ chồng bà P với gia đình ông R không liên quan đến khoản vay của bà P tại Ngân hàng nên Ngân hàng không có ý kiến gì.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn R và bà Lê Thị L, bà P có ý kiến: Bà đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn R và vợ là bà Lê Thị L về việc ông R và bà L đòi vợ chồng bà số tiền vay là  $7.500.000.000 \text{ đồng}$  và lãi suất của số tiền này tính đến hết ngày 12/6/2021 là  $3.331.000.000 \text{ đồng}$ .

Bà xác nhận vợ chồng bà có vay của ông R và bà L số tiền là  $7.500.000.000 \text{ đồng}$ , hai bên đã lập 03 Hợp đồng cho vay tiền tại Văn phòng công chứng Gia Khánh thành phố Hà Nội vào ngày 02/6/2017, 05/6/2017 và 12/6/2017, thời hạn cho vay là 03 tháng; 05 tháng và 01 tháng tương ứng với từng hợp đồng. Vợ chồng ông R cho ông bà vay tiền với lãi suất là 2.000 đồng/triệu/ngày tính ra 6%/tháng. Với số lãi tính như vậy là quá cao nên bà đề

ngợi Tòa án xem xét việc tính lãi của ông R. Do việc làm ăn gặp khó khăn nên vợ chồng bà đã đề nghị ông R và bà L được trả dần hàng tháng mỗi tháng 20.000.000 đồng và miễn lãi nhưng ông bà không đồng ý.

Nay quan điểm của vợ chồng bà như sau: Bà đề nghị ông R và bà L tạo điều kiện cho bà được trả dần số nợ gốc 7.500.000.000 đồng và miễn toàn bộ lãi. Hàng tháng vợ chồng bà trả ông R và bà L số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) vào ngày 30 hàng tháng cho đến khi trả xong toàn bộ gốc. Nếu vợ chồng ông R đồng ý thì bà sẽ bắt đầu thực hiện việc trả nợ từ tháng 7/2021.

Về việc mua bán nhà đất tại số 73 ngõ 51 T, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội giữa vợ chồng bà và gia đình ông R là hoàn toàn hợp pháp, bà đã thanh toán đầy đủ số tiền mua nhà, sau đó vợ chồng ông R cho bà và ông T vay lại số tiền trên.

#### **Tại phiên tòa:**

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu nh- đã trình bày tại và đề nghị HĐXX buộc bà P, ông T trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Cụ thể số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 05/01/2022 là 11.642.446.304 đồng (trong đó nợ gốc là 7.370.357.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.860.718.146 đồng; lãi quá hạn là: 829.643.911 đồng, lãi suất chậm trả lãi là: 581.727.247 đồng).

Tr- ờng hợp bị đơn không trả đ- ợc nợ hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng thì đề nghị HĐXX tuyên cho nguyên đơn đ- ợc quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Ngân hàng yêu cầu ông ông T, bà P tiếp tục trả lãi đối với số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 05/01/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Bị đơn – Bà P có ý kiến: Bà giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại Tòa án. Bà xác nhận có vay của Ngân hàng số tiền 7.420.000.000 đồng từ ngày 24/11/2017 và mới trả được cả gốc và lãi là 105.250.523 đồng (trong đó nợ gốc là 49.643.000 đồng, lãi là Trú tại: : số 19 phố Hàng Khay, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

đồng). Bà không có ý kiến gì về cách tính lãi của Ngân hàng và bà đề nghị Ngân hàng xem xét miễn lãi cho bà được trả nợ gốc. Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà P xác nhận nợ vợ chồng ông R 7.500.000.000 đồng nợ gốc và đã trả được số tiền lãi là 269.000.000 đồng và đề

ngợi ông R miễn toàn bộ lãi và cho bà được trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng nợ gốc, trả từ tháng 1/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Ông R có ý kiến: Ông giữ giữ nguyên yêu cầu độc lập, ông đề nghị Tòa án buộc bà P, ông T phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 7.500.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ 01/6/2017 đến 31/12/2021 là 53 tháng  $\times$  1%/tháng = 3.975.000.000 đồng – 269.000.000 = 3.706.000.000 đồng; Tổng cộng: 11.206.000.000 đồng. Ông không đồng ý cho bà P thanh toán dần số tiền là 20.000.000 mỗi tháng. Nếu bà P trả ông luôn số tiền gốc thì ông đồng ý miễn toàn bộ lãi cho bà P. Việc tính lãi của ông nếu chưa đúng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà L vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th- ký phiên tòa và của những ng- ời tham gia tố tụng, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án nh- sau: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ đúng quy định. Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thành phần HĐXX và thư ký phiên tòa, điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục.

Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T, bà P phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số nợ gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi suất chậm trả lãi, chấp nhận yêu cầu phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ nợ. Quan điểm của Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu độc lập của ông R và bà L, buộc bà P và ông T phải thanh toán nợ gốc và lãi suất cho ông R, bà L theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa, sau khi tranh luận và nghị án, HĐXX nhận định:

**1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Ngân hàng khởi kiện về tranh chấp Hợp đồng tín dụng với bị đơn là bà Lê Thu P và ông Khiếu Văn T. Nguyên đơn có trụ sở tại số 22 phố N, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tại “Bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng” đính kèm không tách rời Hợp đồng cho vay, mục F có quy định: Trường hợp không giải quyết thông qua thương lượng được, hai bên thỏa thuận lựa chọn giải quyết tranh chấp tại Tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên



đơn (trong trường hợp nguyên đơn là cá nhân) hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn (trong trường hợp nguyên đơn là tổ chức). Bà P, ông T vay tiền Ngân hàng với mục đích bù đắp mua nhà và vay tiêu dùng. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng và Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

**2. Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa:** Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bà L, bà L đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định của pháp luật.

### **3. Về nội dung vụ án:**

Ngày 23/11/2017 Ngân hàng TMPC Đ – chi nhánh Hà Nội đã ký kết Hợp đồng cho vay dài hạn số 634/2017/HĐTD/PVB-TLM và đã cho ông T, bà P vay số tiền là 7.420.000.000 đồng (Bảy tỉ bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Xét Hợp đồng cho vay số 634/2017/HĐTD/PVB-TLM ký ngày 23/11/2017 thấy rằng: Đây là văn bản của Ngân hàng TMPC Đ do người đại diện theo ủy quyền – ông Hoàng Quang Hoan – Phó Giám đốc Ngân hàng Đ chi nhánh Hà Nội ký với bên vay là ông Khiếu Văn T và bà Lê Thu P. Hợp đồng tín dụng có đầy đủ chữ ký và con dấu của bên cho vay tiền và chữ ký của bên vay tiền. Hợp đồng tín dụng đảm bảo về mặt hình thức, nguyên tắc tự nguyện giao kết hợp đồng, đảm bảo về thẩm quyền ký kết, các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, các bên đương sự không có tranh chấp về hình thức và nội dung của của Hợp đồng nên xác định Hợp đồng cho vay số 634/2017/HĐTD/PVB-TLM ký ngày 23/11/2017 là hợp pháp và phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm giao kết Hợp đồng.

Nội dung Hợp đồng ký kết giữa Ngân hàng và ông T bà P nhằm mục đích hoàn vốn mua nhà và vay tiêu dùng. Tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 của Hợp đồng quy định số tiền vay là 7.420.000.000 đồng, trong đó 5.000.000.000 đồng vay mục đích bù đắp mua nhà, 2.420.000.000 đồng vay tiêu dùng, thời hạn khoản vay bù đắp mua nhà là 240 tháng, thời hạn khoản vay tiêu dùng là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Căn cứ Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ số 01 ngày 23/11/2017; số 02 ngày 24/11/2017, HĐXX thấy rằng: Từ ngày 24/11/2017 đến hết ngày 23/11/2018 lãi suất là 8,8%/năm. Từ ngày 24/11/2018 lãi suất cho vay được điều

chỉnh theo công thức: Lãi suất cho vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền tương ứng với loại tiền vay, kỳ hạn 13 tháng + biên độ 4%/năm, theo biểu lãi suất huy động của Ngân hàng công bố từng thời kỳ. Kỳ điều chỉnh lãi suất là 03 tháng/lần. Lãi suất chậm trả lãi theo quy định của Ngân hàng nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Xét quá trình thực hiện Hợp đồng: Sau khi ký hợp đồng tín dụng thì ngày 24/11/2017 Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho bên vay số tiền 7.420.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản thể hiện tại Khế - ước nhận nợ số 01 ngày 23/11/2017 và số 02 ngày 24/11/2017.

Khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận giữa hai bên quy định trong Hợp đồng tín dụng, ông T, bà P đã trả đ-ợc một phần nợ gốc là 49.643.000 đồng và số nợ lãi là 55.607.523 đồng, sau đó không thanh toán đúng hạn nên khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 25/12/2017. Từ khi khoản nợ chuyển sang quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo bằng văn bản cũng nh- làm việc trực tiếp với ông T, bà P để đôn đốc việc trả nợ nh- ng không đạt kết quả.

Nay Ngân hàng khởi kiện ông T, bà P về việc yêu cầu ông bà thanh toán số nợ gốc và nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi suất chậm trả lãi theo quy định trong Hợp đồng là có căn cứ nên đ-ợc chấp nhận.

Căn cứ quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì giữa các bên có quyền thỏa thuận về lãi suất. Do đó việc thỏa thuận mức lãi suất giữa Ngân hàng và bà P, ông T được thể hiện trong Hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Nh- vậy việc nguyên đơn đề nghị bị đơn ngoài việc trả nợ gốc ra còn phải trả nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn, lãi suất chậm trả lãi là phù hợp với thỏa thuận giữa hai bên và phù hợp quy định của pháp luật nên đ-ợc chấp nhận.

Xét “Bảng tính lãi của khách hàng Lê Thu P và Khiếu Văn T” do Ngân hàng cung cấp phù hợp với thỏa thuận của các bên đã ký kết trong Hợp đồng, ph-ơng thức tính lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi suất chậm trả lãi đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01 ngày 11/01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao và đ-ợc hai bên thỏa thuận ký kết trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Xét thấy việc bổ sung yêu cầu về khoản tiền lãi tạm tính đến ngày 05/01/2022 của nguyên đơn không v-ợt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX chấp nhận việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa.

Từ những nhận định trên HĐXX thấy rằng có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà Lê Thu P và ông Khiếu Văn T về tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Xác định số nợ gốc và lãi mà bà P, ông T phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 05/01/2022 11.642.446.304 đồng (trong đó nợ gốc là 7.370.357.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.860.718.146 đồng; lãi quá hạn là: 829.643.911 đồng; lãi suất chậm trả lãi là: 581.727.247 đồng).

Tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho khoản vay trên, Ngân hàng và ông T, bà P đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 634/2017/HĐBĐ/PVB- TLM ngày 23/11/2017.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội cấp cho ông Nguyễn Văn R ngày 18/7/2006, đã đăng ký sang tên cho bà Lê Thu P và ông Khiếu Văn T ngày 26/5/2017 nên HĐXX có đủ cơ sở xác định tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà P và ông T. Xét thấy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 23/11/2017 là sự thỏa thuận giữa hai bên, đ- ợc lập thành văn bản, có đầy đủ chữ ký của các bên gồm bên có tài sản (ông T, bà P) và bên nhận thế chấp (Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng). Hợp đồng thế chấp này đ- ợc ký kết ngày 23/11/2017 tại Văn phòng công chứng Tạ Hiền (số 14 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội) và đã đ- ợc đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – chi nhánh quận Hoàng Mai ngày 24/11/2017. Nh- vậy Hợp đồng thế chấp đã hội tụ đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật nên hợp pháp cả về hình thức lẫn nội dung và phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với các bên tham gia ký kết.

Xét yêu cầu của Ngân hàng đòi ông T, bà P phải thanh toán số nợ gốc và số nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 05/01/2022 là 11.642.446.304 đồng. Nếu ông T, bà P không thanh toán nợ thì yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng: Yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên cũng nh- thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp, phù hợp với quy định tại các Điều 56, 58 Nghị định 163 ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Nghị định số 11 ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Bộ luật dân sự năm 2015 và đ- ợc các bên liên quan đồng ý ký kết nên có căn cứ để Tòa án chấp nhận.

Xét yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn R và bà Lê Thị L về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản HĐXX thấy rằng:

Ông Nguyễn Văn R cung cấp cho Tòa án 03 “Hợp đồng cho vay tiền” lập tại Văn phòng công chứng Gia Khánh thành phố Hà Nội cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 02/6/2017: Bên cho vay là ông R và bà L; bên vay tiền là ông T và bà P, số tiền vay là 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 3 tháng kể từ ngày hợp đồng được công chứng, lãi suất cho vay là 0%/tháng.

- Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 05/6/2017: Bên cho vay là ông R và bà L; bên vay tiền là ông T và bà P, số tiền vay là 3.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 5 tháng kể từ ngày hợp đồng được công chứng, lãi suất cho vay là 0%/tháng.

- Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 12/6/2017: Bên cho vay là ông R và bà L; bên vay tiền là bà P, số tiền vay là 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày hợp đồng được công chứng, lãi suất cho vay là 0%/tháng.

HĐXX xét thấy: Ba Hợp đồng cho vay tiền trên được lập thành văn bản, có đầy đủ chữ ký của bên cho vay tiền và bên vay tiền, hai bên có đủ năng lực hành vi dân sự tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên ký hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện và đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Gia Khánh nên các Hợp đồng này là hợp pháp và phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm ký kết hợp đồng. Bà P cũng xác nhận vợ chồng bà có vay nợ của ông R và bà L số tiền nợ gốc là 7.500.000.000 đồng, mục đích vay tiền của bà và ông T là để phục vụ cho cả gia đình, bà không sử dụng riêng. Hai bên không có tranh chấp gì về việc xác nhận số nợ gốc nên yêu cầu đòi nợ gốc 7.500.000.000 đồng của ông R và bà L là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu trên.

Về số tiền lãi: Ông R trình bày mặc dù ba Hợp đồng trên không tính lãi nhưng các bên có thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng. Bà P trình bày vợ chồng ông R cho ông bà vay tiền với lãi suất là 2.000 đồng/triệu/ngày tính ra 6%/tháng. Với số lãi tính như vậy là quá cao nên bà đề nghị Tòa án xem xét việc tính lãi của ông R. Hai bên khai có sự mâu thuẫn về lãi suất nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình nên không có cơ sở để xem xét. HĐXX căn cứ vào lãi suất quy định trong Hợp đồng cho vay là 0%/tháng. Do các đương sự có tranh chấp về lãi suất nên xác định lãi suất theo quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao. Tại Điều 5 Nghị quyết 01 hướng dẫn cách xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 như sau: Hợp đồng cho vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo

mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc...”. Như vậy mức lãi suất HĐXX áp dụng đối với khoản vay của bà P ông T là 10%/ năm.

- Đối với Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 02/6/2017: Thời gian tính lãi kể từ ngày 02/9/2017 đến ngày 13/01/2022 là:

$2.000.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 1.594 \text{ ngày} = 873.424.658 \text{ đồng}.$

- Đối với Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 05/6/2017: Thời gian tính lãi kể từ ngày 05/11/2017 đến ngày 13/01/2022:

$3.500.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 1.530 \text{ ngày} = 1.467.123.288 \text{ đồng}.$

Đối với Hợp đồng vay tiền đề ngày 12/6/2017: Thời gian tính lãi kể từ ngày 12/7/2017 đến ngày 13/01/2022:

$2.000.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 1.646 \text{ ngày} = 901.917.808 \text{ đồng}.$

Tổng cộng số tiền lãi của 03 Hợp đồng là: 3.242.465.754 đồng.

Ông R và bà P xác nhận bà P đã thanh toán được 269.000.000 đồng số tiền lãi nên số tiền lãi bà P và ông T còn phải trả vợ chồng ông R là: 3.242.465.754 đồng – 269.000.000 đồng = 2.973.465.754 đồng.

Bà P và ông T phải thanh toán cho ông R và bà L số tiền: 7.500.000.000 đồng + 2.973.465.754 = 10.473.465.754 đồng.

Việc bà P đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện miễn cho bà toàn bộ số lãi và đề nghị ông R miễn cho bà toàn bộ số lãi, số nợ gốc còn lại bà được trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng, tuy nhiên đại diện Ngân hàng và ông R không đồng ý với yêu cầu của bà P nên HĐXX không có cơ sở để xem xét.

Bà P và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

***Bởi các lý trên!***

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ:

Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244, điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 116, 117, 317, 318, 323, các điều 385, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

Điều 56, 58 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ quy định về giao dịch đảm bảo;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:**

**1,** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với bị đơn là bà Lê Thu P và ông Khiếu Văn T về tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

**2,** Xác định Hợp đồng cho vay số 634/2017/HĐTD/PVB-TLM ký ngày 23/11/2017 giữa Ngân hàng TMPC Đ với bà P và ông T là hợp pháp và phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm giao kết.

**3,** Buộc bà P và ông T phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi suất chậm trả lãi tính đến ngày 05/01/2022 là 11.642.446.304 đồng (mười một tỉ sáu trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm bốn sáu nghìn ba trăm lẻ bốn đồng). Trong đó:

Nợ gốc là 7.370.357.000 đồng

Nợ lãi trong hạn là 2.860.718.146 đồng

Lãi quá hạn là: 829.643.911 đồng

Lãi suất chậm trả lãi: 581.727.247 đồng.

**4,** Xác định Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 634/2017/HĐBĐ/PVB-TLM ngày 23/11/2017 ký giữa ông T, bà P và đại diện Ngân hàng TMPC Đ là hợp pháp, phát sinh hiệu lực kể từ ngày 24/11/2017.

**5,** Tr- ờng hợp bà P, ông T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ cho Ngân hàng số tiền trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 10 (2), tờ bản đồ số 32 có địa chỉ phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 675032 do UBND Quận Hoàng Mai cấp ngày 18/7/2006 cho ông Nguyễn Văn R, đã được sang tên chuyển nhượng cho bà Lê Thu P và ông Khiếu Văn T ngày 26/5/2017 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

**6,** Kể từ ngày 05/01/2022, ông T, bà P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, đ- ọc điều chỉnh theo quyết định của Ngân hàng TMCP Đ theo từng thời kỳ.

**7,** Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thi hành theo điều 2 của Luật thi hành án dân sự, ng- ời thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án là 05 năm đ- ọc quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**8,** Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn R và bà Lê Thị L về việc đòi tiền cho vay đối với ông Khiếu Văn T bà bà Lê Thu P.

**9,** Xác định Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 02/6/2017 và Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 05/6/2017 được ký kết giữa bên cho vay là ông R, bà L với bên vay tiền là ông T, bà P; Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 12/6/2017 được ký kết giữa bên cho vay là ông R, bà L với bên vay tiền là bà P là hợp pháp và phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm giao kết.

**10,** Buộc bà P, ông T phải trả cho ông R số tiền nợ là 10.473.465.754 đồng (mười tỉ bốn trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi tư đồng), trong đó:

Nợ gốc: 7.500.000.000 đồng

Nợ lãi: 2.973.465.754 đồng.

**11,** Về án phí: Bà P, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 119.642.446 đồng (Một trăm mười chín triệu, sáu trăm bốn hai nghìn bốn trăm bốn mươi sáu đồng) đối với yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng và 118.473.465 đồng (Một trăm mười tám triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng) đối với yêu cầu đòi nợ của ông R và bà L.

Ngân hàng TMCP Đ đ- ọc hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 58.240.000 đồng (Năm mươi tám triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0003448 ngày 18/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

**12,** Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện Ngân hàng TMCP Đ, bà P, ông R; vắng mặt bà L. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ọc bản án hoặc kể từ ngày bản án đ- ọc niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Nơi gửi:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- VKS ND quận Hoàn Kiếm;
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Nguyên**